

Số: 1344 /QĐ-ĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đề cương học phần Tiếng Nga cơ bản

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP, ngày 01/02/2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg, ngày 12/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 600/TCCB, ngày 01/10/2001 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN, ngày 17/9/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này đề cương học phần Tiếng Nga cơ bản, mã số: RUS 5001.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, T30.

Nguyễn Kim Sơn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tiếng Nga cơ bản

Mã số: RUS 5001

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1344 /QĐ-ĐT, ngày 04 tháng 5 năm 2013
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

1. Thông tin về giảng viên

*Giảng viên 1: **Đinh Thị Thu Huyền***

Chức danh khoa học, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần, tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, tầng 5 nhà B2, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: CQ: 043-7549954 DD: 0915-789983

E-mail: thuhuyenkn@yahoo.com

*Giảng viên 2: **Nguyễn Quý Mão***

Chức danh khoa học, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần, tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, tầng 5 nhà B2, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: DD: 0912817670

E-mail: maonguyenquy@yahoo.com

Các giảng viên khác:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Học hàm, học vị</i>	<i>Điện thoại</i>	<i>Cơ quan công tác</i>
1	Vũ Thị Chín	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	0904511498	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, ĐHNN-ĐHQGHN
2	Nguyễn Thị Thanh Hà	Tiến sĩ	0988565849	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, ĐHNN-ĐHQGHN
3	Ngô Thị Minh Thu	Thạc sĩ	0983885584	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, ĐHNN-ĐHQGHN

2. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: ***Tiếng Nga cơ bản*** (General Russian)

Mã số học phần: RUS5001

Số tín chỉ: 04

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Học viên phải đạt trình độ A2 (chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung tham chiếu châu Âu).

Các học phần kế tiếp: Tiếng Nga học thuật.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Số giờ lí thuyết: 30

+ Số giờ thực hành: 30

+ Số giờ tự học: 0

Địa chỉ khoa phụ trách học phần: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần giúp học viên phát triển được các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương cấp độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu; cung cấp cho học viên vốn từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đáp ứng việc tiếp thu học phần kế tiếp là Tiếng Nga học thuật.

Giá trị tích lũy 4 tín chỉ của học phần này chủ yếu được thực hiện thông qua hoạt động tự tích lũy của học viên, các hoạt động trên lớp chỉ hỗ trợ để người học đạt chuẩn đầu ra tương đương cấp độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu chung về ngoại ngữ.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Bằng hoạt động tự tích lũy của mình và các giờ lên lớp mang tính hỗ trợ trong khuôn khổ của học phần này, sau khi kết thúc học phần học viên có thể đạt được các mục tiêu cụ thể như sau:

3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ

a. Ngữ âm

- Phát âm dễ hiểu dù vẫn còn ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và đôi khi còn mắc lỗi phát âm.

b. Ngữ pháp

- Kiểm soát tốt việc sử dụng cấu trúc ngữ pháp tuy còn chịu ảnh hưởng khá rõ của tiếng mẹ đẻ; tuy vẫn mắc lỗi nhưng người học đã biết diễn đạt ý của mình;

- Sử dụng một cách hợp lí, chính xác các cấu trúc ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc.

c. Từ vựng

- Có đủ vốn từ để diễn đạt ý mình (dù đôi khi phải nói vòng) khi bàn về đa số các đề tài liên quan đến cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch ..., các sự kiện mới xảy ra;

- Cho thấy khả năng sử dụng vốn từ cơ bản tốt mặc dù vẫn mắc một số lỗi khi phải diễn đạt các suy nghĩ phức tạp hơn, hay khi phải xử lí các đề tài và tình huống không quen thuộc;

- Nắm được vốn từ nhất định liên quan đến chuyên ngành.

3.2.2. *Về kĩ năng ngôn ngữ*

a. Kĩ năng Diễn đạt nói

- Có thể tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách khá tự tin. Có thể duy trì một cách hợp lí và trôi chảy cuộc hội thoại.

- Có thể cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống, có thể phát triển lập luận đơn giản.

- Có thể sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và một số cấu trúc phức tạp, tuy nhiên vẫn mắc lỗi phát âm và ngữ pháp đôi khi làm cản trở giao tiếp .

- Có thể sử dụng những từ ngữ giao tiếp hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc.

- Có thể đạt mức lưu loát trong giao tiếp thông thường, nhưng vẫn còn nhiều chỗ ngập ngừng và đôi khi cần có sự hỗ trợ của người cùng đối thoại.

- Có thể trao đổi qua điện thoại về những vấn đề quen thuộc, nhưng còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi không có hình ảnh/phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

- Có thể trình bày có chuẩn bị trước một vấn đề, đề tài quen thuộc trong

lĩnh vực công việc, nghiên cứu của mình, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác tương đối.

b. Kĩ năng Nghe hiểu

- Có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình (các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh) trong các tình huống giao tiếp nghi thức, bán nghi thức hoặc phi nghi thức, về các chủ đề hàng ngày quen thuộc liên quan đến bản thân, tại nơi làm việc, trường học... Tốc độ lời nói chậm đến trung bình.

- Có thể hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.

- Có thể hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng về các kinh nghiệm và kiến thức chung. Hiểu được ý chính những đoạn thảo luận khá dài.

- Theo dõi được một bài giảng hay bài nói chuyện thuộc chuyên ngành/lĩnh vực công việc của mình. Có thể ghi chép vắn tắt nội dung chính và một vài chi tiết trong khi nghe.

- Có thể hiểu các tập hợp chỉ dẫn/ hướng dẫn ngắn, các thông tin kĩ thuật đơn giản, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.

- Có thể đôi lúc yêu cầu người nói nhắc lại.

- Có thể nghe hiểu, đoán trước được các lời nhắn đơn giản trên điện thoại, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn.

c. Kĩ năng Đọc hiểu:

- Có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một văn bản đơn giản (ba đến năm đoạn) hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.

- Có thể đọc lướt tìm một số chi tiết cụ thể trong các văn bản dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh. Có thể thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản hoặc từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể.

- Xác định được các kết luận chính thức trong văn bản mang tính nghị luận.

- Có thể hiểu tin nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết

tay rõ ràng.

- Có thể lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các văn bản có bố cục rõ ràng, gắn gũi với kiến thức nền, lĩnh vực chuyên môn của mình hoặc trải nghiệm bản thân.

- Có thể thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học tiếng Nga như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.

- Ngôn ngữ của văn bản chủ yếu là cụ thể và sát với thực tế, với một số mục từ trừu tượng, chứa đựng các khái niệm chuyên môn và có thể đòi hỏi kỹ năng suy luận ở mức độ thấp để hiểu (ví dụ người học có thể đoán một vài từ mới bằng cách nhận ra tiền tố và hậu tố).

d. Kỹ năng Diễn đạt viết:

- Có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ viết tương đối phức tạp.

- Có thể truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.

- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn.

- Có thể điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo, tóm tắt và đưa ra ý kiến về các thông tin, sự kiện về những đề tài hay gặp hoặc hiếm gặp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình.

- Có thể viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.

- Có thể ghi chép thông tin từ bảng, biểu dưới dạng một đoạn văn mạch lạc.

- Có thể viết các báo cáo ngắn gọn theo một định dạng chuẩn đã quy ước sẵn, truyền đạt được các thông tin, sự kiện và/hoặc lí giải cho các hành động.

- Có thể ghi chép khi nghe giảng, hội nghị, hội thảo với độ chính xác tương đối để sử dụng sau này với điều kiện đề tài quen thuộc, bài nói rõ ràng có bố cục mạch lạc.

- Có thể ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.

- Thể hiện khả năng kiểm soát viết tốt với các cấu trúc đơn giản song vẫn gặp khó khăn với một số cấu trúc phức tạp; một số câu/ cụm từ viết ra nghe chưa tự nhiên (ghép từ).

3.2.3. Về mặt thái độ

- Xác định rõ được tầm quan trọng của học phần và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung học phần;

- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet...;

- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;

- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;

- Chia sẻ thông tin với bạn bè và với giảng viên;

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Nga cơ bản giúp hệ thống kiến thức, củng cố và phát triển thêm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học tương ứng với cấp độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu theo các mảng đề tài lớn liên quan đến bản thân, gia đình, khoa học, giáo dục, thành phố, văn hóa, thể thao, sức khỏe, v.v... Với thời lượng hạn chế người học chủ yếu sẽ được làm quen với từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp, các dạng bài thi hỗ trợ cho việc tự tích lũy và của họ đạt hiệu quả cao hơn.

5. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính của học phần xoay quanh các chủ đề bắt buộc của cấp độ B1 sau:

1. Биография человека, его семья, его интересы и увлечения (Tiểu sử, gia đình, các mối quan tâm và sở thích)

2. Система образования, учеба, наука, работа (Hệ thống giáo dục, việc học tập, khoa học, công việc)

3. Город, экскурсия по городу, городской транспорт, ориентация в городе (Thành phố, thăm quan thành phố, giao thông thành phố, định hướng trong thành phố)

4. Традиции, праздники, культура (Phong tục tập quán, ngày lễ, văn hóa)

5. Здоровье, путешествие, спорт (Sức khỏe, du lịch, thể thao)

Chi tiết hơn, xem mục 7.

6. Học liệu

6.1. Học liệu bắt buộc

1. В.У.Антонова, М.М. Нахабина, А.А. Толстых. *Дорога и Россию*. Т.1. Изд-во "Златоуст", Санкт-Петербург, 2006. (Quyển 1)
2. В.У.Антонова, М.М. Нахабина, А.А. Толстых. *Дорога и Россию*. Т.2. Изд-во "Златоуст", Санкт-Петербург, 2006. (Quyển 2)

6.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Chinh (Chủ biên), Vũ Thị Chín. *Обучение говорению. Часть 1*. (Giáo trình dạy nói dùng cho sinh viên năm thứ 2, Khoa NN & VH Nga, Tập 1), ĐHNN-ĐHQGHN, 1999.
2. Nguyễn Hữu Chinh (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Bích, Lê Thị Mỹ. *Giáo trình nghe hiểu tiếng Nga*. (Sách dùng cho sinh viên năm thứ 2 Khoa NN & VH Nga), ĐHNN- ĐHQGHN, 1999.
3. Nguyễn Hữu Chinh (Chủ biên), Vũ Quốc Thái, Khoa Hiệp Vụ. *Giáo trình đọc hiểu tiếng Nga*. Nxb ĐHQGHN, 2003.
4. Родимкина А., Зоя Райли, Нил Ландсман. *Россия сегодня. Тексты и упражнения*. "Златоуст", Санкт-Петербург, 2000.
5. Караванова Н.Б. *Слушаем живую русскую речь: Пособие по аудированию для иностранцев, изучающих русский*. М., 2011.
6. Каган О.Е., Кудыма А.С. *Учимся писать по-русски*. Экспресс-курс для двуязычных взрослых. СПб., 2012.

7. Hình thức tổ chức dạy học

Hoạt động dạy và học được tiến hành trong mỗi buổi học về cơ bản như sau:

- Giới thiệu và hệ thống các kiến thức ngôn ngữ liên quan đến chủ điểm bài học: 2 (hoặc 3) giờ tín chỉ.
- Làm các bài tập giúp ghi nhớ các kiến thức ngôn ngữ và rèn các kỹ năng liên quan đến chủ điểm bài học: 2 (hoặc 3) giờ tín chỉ.

Nội dung	Số giờ tín chỉ		
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học
Nội dung 1	6	4	0
Nội dung 2	4	5	0
Nội dung 3	4	6	0

Nội dung	Số giờ tín chỉ		
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Nội dung 4	4	6	0
Nội dung 5	6	4	0
Nội dung 6	6	5	0
Tổng	30	30	0

Lịch trình chung:

TT	Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu học viên chuẩn bị
Nội dung 1	Lý thuyết 6 giờ tín chỉ	Биография человека, его семья, его интересы и увлечения	Đọc và chuẩn bị các vấn đề thuộc các bài học 1-2, Quyển 1
	Bài tập 4 giờ tín chỉ	Những vấn đề thuộc nội dung nêu trên	Thực hiện đầy đủ các bài tập giảng viên giao dựa vào nhu cầu và thực lực của học viên
Nội dung 2	Lý thuyết 4 giờ tín chỉ	Система образования, учеба, наука, работа	Đọc và chuẩn bị các vấn đề thuộc các bài học 3-4, Quyển 1
	Bài tập 5 giờ tín chỉ	Những vấn đề thuộc nội dung nêu trên	Thực hiện đầy đủ các bài tập giảng viên giao dựa vào nhu cầu và thực lực của học viên
Nội dung 3	Lý thuyết 4 giờ tín chỉ	Город, экскурсия по городу, городской транспорт, ориентация в городе	Đọc và chuẩn bị các vấn đề thuộc các bài học 5-6, Quyển 1
	Bài tập 4 giờ tín chỉ	Những vấn đề thuộc nội dung nêu trên	Thực hiện đầy đủ các bài tập giảng viên giao dựa vào nhu cầu và thực lực của học viên
	Kiểm tra – đánh giá 2 giờ tín chỉ	Kiểm tra giữa kì (Nghe, Đọc, Viết, Từ vựng – Ngữ pháp)	
Nội dung 4	Lý thuyết 4 giờ tín chỉ	Традиции, праздники, культура	Đọc và chuẩn bị các vấn đề thuộc các bài học 8, Quyển 2
	Bài tập	Những vấn đề thuộc nội	Thực hiện đầy đủ các bài tập

TT	Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Yêu cầu học viên chuẩn bị
	4 giờ tín chỉ	dung nêu trên	giảng viên giao dựa vào nhu cầu và thực lực của học viên
	Kiểm tra – đánh giá 2 giờ tín chỉ	Kiểm tra giữa kì (Nói)	
Nội dung 5	Lý thuyết 6 giờ tín chỉ	Здоровье, путешествие, спорт	Đọc và chuẩn bị các vấn đề thuộc các bài học 9, Quyển 2
	Bài tập 4 giờ tín chỉ	Những vấn đề thuộc nội dung nêu trên	Thực hiện đầy đủ các bài tập giảng viên giao dựa vào nhu cầu và thực lực của học viên
Nội dung 6	Lý thuyết 6 giờ tín chỉ	Повторение	Ôn tập lại các vấn đề lí thuyết đã học
	Bài tập 5 giờ tín chỉ	Thực hiện một số bài tập theo định dạng bài thi B1	Thực hiện đầy đủ các bài tập giảng viên giao

8. Chính sách đối với học phần

Học viên được yêu cầu:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong Đề cương học phần;
- Tích cực tham gia vào bài giảng, làm đầy đủ bài tập tự học theo lịch trình học phần;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo nội dung quy định trong lịch trình học;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra tiến bộ 1 và 2. Kết quả bài kiểm tra tiến bộ 1 và 2 được sử dụng như là điều kiện để xét học viên được phép dự thi bài kiểm tra cuối khóa học hay không.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập học phần

Hình thức	Nội dung đánh giá	Mục đích kiểm tra	Yêu cầu cần đạt
Kiểm tra định kì	Nghe, Nói, Đọc, Viết, Từ vựng – Ngữ pháp	Đánh giá mức độ tiến bộ của học viên ở kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ	Mức điểm tối thiểu cần đạt 5/10

Hình thức	Nội dung đánh giá	Mục đích kiểm tra	Yêu cầu cần đạt
		Thang điểm: 10	
Thi hết học phần	Bài thi kết thúc học phần (Nghe, Đọc, Viết, Nói, Từ vựng-Ngữ pháp)	Đánh giá, xác định học viên đạt điểm học phần và đạt chuẩn đầu ra trình độ B1 hay không.	Mức điểm tối thiểu cần đạt: Điểm hệ số: 5.5 Điểm hệ chữ: C Lưu ý: Điểm D và D+ được coi là điểm đạt nếu điểm trung bình chung cả khóa học đạt mức tối thiểu là 2.5.

Các bài kiểm tra giữa kì là bài kiểm tra điều kiện. Kết quả kiểm tra không tính vào điểm học phần. Đây là bài thi trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp kiểm tra các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết và Từ vựng-Ngữ pháp.

Kết quả bài thi kết thúc học phần là bài thi B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu. Bài thi này dùng để xác định điểm học tập và đồng thời là điểm chuẩn đầu ra theo trình độ B1.

10. Lịch thi, kiểm tra

Kiểm tra giữa kì sau kho học xong các nội dung 3 và 4.

Thi hết học phần sau khi học xong toàn bộ chương trình./.